

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Về việc ban hành Quy định về mã số đối với các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 20/3/1996 và Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước số 06/1998/QH10 ngày 20/5/1998 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng - Trưởng Ban Quản lý ứng dụng Tin học, Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về mã số đối với các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước".

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hệ thống mã số đối với các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước sẽ được sử dụng thống nhất trong cả nước bắt đầu từ ngày 01/01/2002.

Điều 3: Các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan Đảng, cơ quan Trung ương các đoàn thể, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH VỀ MÃ SỐ ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 172/2000/QĐ-BTC

ngày 01 tháng 11 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước là đơn vị dự toán cấp I, II, III và đơn vị dự toán cấp dưới của cấp III thuộc ngân sách Trung ương và các cấp ngân sách tỉnh, huyện, xã đều phải thực hiện đăng ký và kê khai với cơ quan tài chính để được cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Các đơn vị thuộc cấp ngân sách xã và các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước đặc biệt như Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, cơ quan Đảng các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước đặc biệt khác thuộc diện được cấp mã số nhưng không phải đăng ký, kê khai cấp mã số đơn vị

sử dụng ngân sách Nhà nước và các chỉ tiêu quản lý.

Điều 2: Mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước là một dãy số được quy định theo một nguyên tắc thống nhất để cấp cho từng đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước được sử dụng để nhận diện đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, kèm theo các chỉ tiêu quản lý của từng đơn vị nhằm phục vụ việc quản lý ngân sách Nhà nước. Mỗi đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước chỉ được cấp một mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước duy nhất trong suốt quá trình hoạt động từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước đã được cấp sẽ không được sử dụng lại để cấp cho đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước khác.

Điều 3: Các chỉ tiêu quản lý đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước bao gồm các chỉ tiêu về vốn ngân sách Nhà nước, về tài sản cố định, biên chế tiền lương, và các hoạt động kinh tế - xã hội theo loại hình đơn vị được các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước thực hiện trong thời gian một năm.

Điều 4: Các đơn vị thuộc diện phải kê khai, đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước tại Điều 1 của Quy định này phải thực hiện kê khai đầy đủ, chính xác các chỉ tiêu theo mẫu "Tờ khai đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước" với cơ quan tài chính để được cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước. Khi có sự thay đổi các chỉ tiêu đã đăng ký, các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước phải khai báo ngay với cơ quan tài chính các chỉ tiêu thay đổi này.

Điều 5: Cơ quan tài chính có trách nhiệm tổ chức cung cấp tờ khai đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước và hướng dẫn việc kê khai, đăng ký mã số cho các đơn vị thuộc diện phải đăng ký; tổ chức kiểm tra, rà soát tính hợp lệ của các tờ khai đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước của các đơn vị gửi đến; quản lý việc cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước thống nhất trong cả nước; cấp "Giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước" cho các đơn vị đã kê khai hợp lệ.

Điều 6: Các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước phải ghi mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước của mình trên mọi giấy tờ giao dịch, hoá đơn chứng từ, báo cáo liên quan tới việc sử dụng ngân sách Nhà nước.

Điều 7: Các Bộ, các cơ quan quản lý Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (các địa phương) có trách nhiệm bổ sung phần ghi mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước của các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý vào hệ thống thông tin quản lý của từng Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương đó, từng bước thực hiện thống nhất việc trao đổi thông tin giữa các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương trong cả nước.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8: Cấu trúc mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước là một dãy số được quy định theo một nguyên tắc thống nhất để cấp cho từng đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước được chia thành 4 loại như sau:

8.1. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước cấp cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách Trung ương: cấu trúc mã số gồm 12 chữ số bố trí như sau:

1 - N₂N₃N₄ - N₅N₆N₇ - N₈N₉N₁₀N₁₁ - K

Trong đó:

Chữ số đầu N₁ là Cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Ba chữ số tiếp theo N₂N₃N₄ là Chương ngân sách thể hiện tên đơn vị đứng đầu thuộc Cấp ngân sách (hay còn gọi là đơn vị dự toán cấp I).

Ba chữ số tiếp theo N₅N₆N₇ là số thứ tự của các đơn vị dự toán cấp II thuộc chương N₂N₃N₄.

Bốn chữ số tiếp theo N₈N₉N₁₀N₁₁ là số thứ tự của các đơn vị dự toán cấp III, IV, V,..... thuộc chương N₂N₃N₄.

Chữ số cuối cùng K là số kiểm tra. Số kiểm tra được tính theo công thức tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

8.2. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước cấp cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách tỉnh: cấu trúc mã số gồm 12 chữ số bố trí như sau:

N₁ - N₂N₃N₄- N₅N₆N₇ - N₈N₉N₁₀N₁₁- K

Trong đó:

Chữ số đầu N₁ là Cấp ngân sách theo qui định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Ba chữ số tiếp theo N₂N₃N₄ là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo Quyết định số 28/1998/QĐ-TCTK ngày 24-1-1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

Ba chữ số tiếp theo N₅N₆N₇ là Chương ngân sách thể hiện tên đơn vị đứng đầu thuộc Cấp ngân sách (hay còn gọi là đơn vị dự toán cấp I).

Bốn chữ số tiếp theo N₈N₉N₁₀N₁₁ là số thứ tự của các đơn vị dự toán cấp II, III, IV, thuộc chương N₅N₆N₇ trên địa bàn tỉnh.

Chữ số cuối cùng K là số kiểm tra. Số kiểm tra được tính theo công thức tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

8.3. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước cấp cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách huyện: cấu trúc mã số gồm 12 chữ số bố trí như sau:

N₁ - N₂N₃N₄- N₅N₆- N₇ N₈N₉ -N₁₀N₁₁ - K

Trong đó:

Chữ số đầu N₁ là Cấp ngân sách theo qui định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Ba chữ số tiếp theo N₂N₃N₄ là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo Quyết định số 28/1998/QĐ-TCTK ngày 24-1-1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

Hai chữ số tiếp theo N₅N₆ là mã huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (theo Quyết định số 28/1998/QĐ-TCTK ngày 24-1-1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

Ba chữ số tiếp theo N₇N₈N₉ là Chương ngân sách thể hiện tên đơn vị đứng đầu thuộc Cấp ngân sách (hay còn gọi là đơn vị dự toán cấp I).

Hai chữ số tiếp theo N₁₀N₁₁ là số thứ tự của các đơn vị dự toán cấp II, III, IV, thuộc chương N₇N₈N₉ trên địa bàn huyện.

Chữ số cuối cùng K là số kiểm tra. Số kiểm tra được tính theo công thức tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

8.4. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước cấp cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách xã: cấu trúc mã số gồm 9 chữ số bố trí như sau:

N₁ - N₂N₃N₄- N₅N₆- N₇ N₈- K

Trong đó:

Chữ số đầu N₁ là Cấp ngân sách theo qui định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Ba chữ số tiếp theo N₂N₃N₄ là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (theo Quyết định số 28/1998/QĐ-TCTK ngày 24-1-1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

Hai chữ số tiếp theo N₅N₆ là mã huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (theo Quyết định số 28/1998/QĐ-TCTK ngày 24-1-1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

Hai chữ số tiếp theo N₇N₈ là mã xã, phường, thị trấn trực thuộc huyện (theo Quyết định số 28/1998/QĐ-TCTK ngày 24-1-1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

Chữ số cuối cùng K là số kiểm tra. Số kiểm tra được tính theo công thức tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

Điều 9: Mẫu đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước và các chỉ tiêu quản lý.

Nhằm quản lý thống nhất các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước trên cả nước, nâng cao hiệu quả công tác quản lý ngân sách Nhà nước từ khâu lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách, Bộ Tài chính ban hành 02 mẫu đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước và 01 mẫu các chỉ tiêu quản lý kèm theo Quyết định này:

- Mẫu số 01-MSNS-BTC (trên khổ giấy A4): "Tờ khai đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước" dùng cho tất cả các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước kê khai.
- Mẫu số 02-MSNS-BTC (trên khổ giấy A3): "Bảng thống kê đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước" dùng cho các đơn vị dự toán cấp I của các cấp ngân sách để thống kê các đơn vị cấp dưới.
- Mẫu số 03-MSNS-BTC (trên khổ giấy A4): "Các chỉ tiêu quản lý" bao gồm các chỉ tiêu quản lý về tài sản cố định và biên chế tiền lương, các chỉ tiêu quản lý theo 8 loại hình đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Điều 10: Giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước cho đơn vị sử dụng ngân sách theo mẫu "Giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước" kèm theo Quyết định này.

Điều 11: Sử dụng mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Hệ thống mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước bắt đầu được sử dụng thống nhất trong cả nước từ ngày 01/01/2002.

Các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, các cơ quan tài chính và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm sử dụng mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước theo quy định cụ thể sau:

1. Đối với đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Mỗi đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước chỉ được sử dụng một mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước duy nhất của mình cho mọi hoạt động giao dịch về ngân sách Nhà nước, và phải ghi mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước của mình trên mọi giấy tờ giao dịch, sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ, báo cáo liên quan tới việc sử dụng ngân sách Nhà nước.

Đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước khi chấm dứt hoạt động phải thông báo với cơ quan tài chính đã cấp mã số để hủy bỏ mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

2. Đối với Bộ Tài chính và cơ quan tài chính các cấp.

Bộ Tài chính và cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm sử dụng mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước để quản lý việc lập dự toán chi tiêu ngân sách Nhà nước, cấp phát ngân sách Nhà nước và theo dõi việc sử dụng vốn ngân sách Nhà nước của các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Các chứng từ giao dịch như: thông tri duyệt y dự toán, lệnh chi, giấy rút hạn mức kinh phí và các chứng từ khác liên quan tới việc sử dụng ngân sách Nhà nước phải được bổ sung phần mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Cơ quan Tài chính, Kho bạc, quản lý công sản các cấp chịu trách nhiệm cập nhật mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước của từng đơn vị vào hệ thống kiểm soát, thanh toán và chi trả ngân sách Nhà nước và vào hệ thống thông tin quản lý tài sản. Từng bước thực hiện thống nhất việc trao đổi, sử dụng thông tin về đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước trong toàn ngành Tài chính.

3. Đối với các Bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Các Bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (các Địa phương) có trách nhiệm cập nhật mã số và thông tin về các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý vào hệ thống thông tin dữ liệu của Bộ, cơ quan Trung ương và Địa phương đó. Từng bước thực hiện thống nhất việc trao đổi thông tin giữa các Bộ, cơ quan Trung ương, Địa phương trong cả nước.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12: Cấp tờ khai đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước và các chỉ tiêu quản lý.

Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các Bộ, các cơ quan Trung ương và các Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc cấp phát và hướng dẫn kê khai theo các mẫu qui định tại Điều 9 của Quy định này.

Các Bộ, các cơ quan Trung ương chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, trực tiếp cấp tờ khai đăng ký và kê khai các chỉ tiêu quản lý cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách Trung ương.

Các Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, thành phố theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, trực tiếp cấp tờ khai đăng ký và kê khai các chỉ tiêu quản lý cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách tỉnh; hướng

đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước và kê khai các chỉ tiêu quản lý theo mẫu quy định tại Điều 9 của Quy định này cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách huyện.

Các Phòng Tài chính huyện chịu trách nhiệm triển khai thực hiện trên địa bàn huyện, trực tiếp cấp tờ đăng ký và kê khai các chỉ tiêu quản lý cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách huyện.

Điều 13: Đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước và kê khai các chỉ tiêu quản lý.

13.1. Đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước

Các đơn vị thuộc cấp ngân sách Trung ương kê khai đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách theo mẫu số 01-MSNS-BTC, sau đó nộp lại cho Bộ, cơ quan Trung ương quản lý đơn vị đó. Các Bộ, cơ quan Trung ương tổng hợp và xác nhận vào bảng thống kê theo mẫu số 02-MSNS-BTC, sau đó gửi toàn bộ về Bộ Tài chính (Ban Quản lý ứng dụng Tin học) để được cấp mã số (đối với các Bộ, cơ quan Trung ương không cần có phần xác nhận của cơ quan tài chính trong mẫu số 02-MSNS-BTC).

Các đơn vị thuộc cấp ngân sách tỉnh thực hiện kê khai theo mẫu 01-MSNS-BTC, sau đó nộp lại cho các cơ quan chủ quản (là các Sở, Hội, ngành nghề chủ quản... thuộc cấp ngân sách tỉnh). Các cơ quan chủ quản thuộc cấp ngân sách tỉnh tập hợp toàn bộ tờ đăng ký và lập bảng thống kê theo mẫu 02-MSNS-BTC gửi về Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố để được cấp mã số.

Các đơn vị thuộc cấp ngân sách huyện kê khai theo mẫu 01-MSNS-BTC, sau đó nộp lại cho Phòng Tài chính huyện. Phòng Tài chính huyện tập hợp toàn bộ tờ khai đăng ký, lập bảng thống kê theo mẫu 02-MSNS-BTC gửi cho Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố để được cấp mã số.

13.2. Kê khai các chỉ tiêu quản lý.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, các đơn vị phải ghi mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước của mình vào mẫu số 03-MSNS-BTC, đồng thời thực hiện việc kê khai các chỉ tiêu quản lý có trong mẫu này. Mỗi đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước có phát sinh hoạt động thuộc loại hình sự nghiệp nào thì kê khai vào những mẫu biểu phù hợp với loại hình sự nghiệp đó.

Các đơn vị có trách nhiệm gửi bản kê khai các chỉ tiêu quản lý theo mẫu số 03-MSNS-BTC cho Bộ Tài chính nếu là đơn vị thuộc ngân sách Trung ương hoặc Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố nếu là đơn vị thuộc ngân sách Địa phương, chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Từ năm 2002 trở đi, các đơn vị có trách nhiệm kê khai bổ sung (nếu có thay đổi) các chỉ tiêu quản lý theo mẫu số 03-MSNS-BTC gửi Bộ Tài chính nếu là đơn vị thuộc ngân sách Trung ương hoặc Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố nếu là đơn vị thuộc ngân sách Địa phương vào tháng 3 hàng năm. Các Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố có trách nhiệm cập nhật các chỉ tiêu quản lý vào hệ thống thông tin quản lý của Sở, đồng thời chuyển dữ liệu lên cho Bộ Tài chính chậm nhất là vào ngày 30 tháng 4 hàng năm.

Điều 14: Cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước và gửi giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước cho đơn vị sử dụng ngân sách trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được tờ khai đăng ký mã số hợp lệ. Khi nhận được tờ khai đăng ký mã số của đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, cơ quan tài chính tiến hành kiểm tra các thông tin trên tờ khai, liên hệ với đơn vị để bổ sung, sửa đổi (nếu cần thiết).

Bộ Tài chính có trách nhiệm cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước cho các đơn vị thuộc ngân sách Trung ương. Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước cho các đơn vị thuộc ngân sách Địa phương.

Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc cấp một mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước duy nhất cho một đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Đơn vị khi có quyết định giải thể hoặc chấm dứt hoạt động thì mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước đã được cấp sẽ không được sử dụng và không được dùng lại để cấp cho đơn vị khác.

Đơn vị mới được thành lập phải tiến hành đồng thời đăng ký cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước theo các mẫu quy định tại Điều 9. Đối với đơn vị thuộc cấp ngân sách Trung ương phải gửi tờ đăng ký mã số tới Bộ Tài chính (Ban Quản lý ứng dụng Tin học) để được cấp